

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đức Kiên;

- Ông Nguyễn Văn Bạch.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên toà:** Ông Trần Văn Truyền – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Trần Thị L trình bày: Thông qua người làm mai, không có sự tìm hiểu trước đó, chị và anh Nguyễn Văn T về chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1992 nhưng đến ngày 13-8-2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, mặc dù có những mâu thuẫn nhỏ nhưng vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến khoảng tháng 4 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn mà thường xuyên nhậu say rồi về nhà kiểm chuyện, chửi mắng đánh đập chị và con. Ngoài ra, anh T còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác

bên ngoài. Chị và anh T đã sống ly thân nhau kể từ tháng 4-2015 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ L, sinh ngày 30-8-2004 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 21-5-1997. Hiện cháu T đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu L hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng nên chị yêu cầu giao cháu L cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T, đồng thời yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị L là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T tranh chấp về ly hôn; anh T hiện cư trú tại ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Nguyễn Văn T không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13-8-2002, việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Nghị định

số 77/2001/NĐ-CP ngày 22-10-2001 của Chính phủ, hôn nhân có hiệu lực kể từ ngày 24-12-1993. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ nhưng vẫn sống hạnh phúc được đến khoảng tháng 4-2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân được chị L nêu là do anh T không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con mà thường xuyên nhậu say về nhà đánh đập vợ con. Hơn nữa, anh T còn không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị và anh T đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không được nên đã sống ly thân kể từ tháng 4-2015 cho đến nay. Dù các tình tiết này chỉ do phía chị L nêu ra nhưng phía anh T không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh T không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị L, cũng như để hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu như còn yêu thương vợ nên xem như anh T đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và chị L nữa. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị L và anh T đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị L và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ L, sinh ngày 30-8-2004 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 21-5-1997. Cháu T đã trên 18 tuổi, chị L, anh T không ai yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu L hiện đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con, phía anh T không có ý kiến gì và cháu L có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu L cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về nợ chung, tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có ý kiến gì về các vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị L là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L. Cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ L, sinh ngày 30-8-2004 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L chưa yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16453 ngày 05-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như chị L đã thi hành xong án phí.

Chị Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực